



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIÊU NIÊN TIÊN PHONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ III NĂM 2024**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 18



# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động Quý III năm 2024.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng	Chủ tịch
Ông Noboru Kobayashi	Phó chủ tịch
Ông Bùi Đức Long	Thành viên
Ông Chu Văn Phương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Bảo	Thành viên
Ông Đào Anh Thắng	Thành viên độc lập

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhật Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động Quý III năm 2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

---

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Thực**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 18 tháng 10 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

MẪU SỐ B 01a-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3,655,398,751,730</b>	<b>3,501,190,530,399</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>226,690,934,553</b>	<b>485,324,285,487</b>
1. Tiền	111		226,690,934,553	474,782,229,711
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10,542,055,776
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1,650,000,000,000</b>	<b>950,000,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1,650,000,000,000	950,000,000,000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>635,592,248,070</b>	<b>889,524,952,669</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	595,289,546,147	869,315,928,192
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		62,776,039,135	48,015,836,819
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	32,177,479,465	27,162,774,191
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(54,650,816,677)	(54,969,586,533)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>1,122,688,028,853</b>	<b>1,158,634,823,678</b>
1. Hàng tồn kho	141		1,122,688,028,853	1,158,634,823,678
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20,427,540,254</b>	<b>17,706,468,565</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15,281,794,693	16,898,722,913
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,212,726,365	363,978,613
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,933,019,196	443,767,039
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,942,418,696,761</b>	<b>1,952,508,608,465</b>
<b>I- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,284,498,147,159</b>	<b>1,328,548,642,812</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1,277,392,797,159	1,321,443,292,812
- Nguyên giá	222		3,177,723,057,206	3,116,054,800,291
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,900,330,260,047)	(1,794,611,507,479)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	7,105,350,000	7,105,350,000
- Nguyên giá	228		16,966,399,107	16,966,399,107
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9,861,049,107)	(9,861,049,107)
<b>II- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>15,198,068,007</b>	<b>47,357,468,650</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	15,198,068,007	47,357,468,650
<b>III- Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>510,890,218,791</b>	<b>442,338,913,287</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		350,865,030,191	337,713,724,687
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		101,360,188,600	95,960,188,600
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1,335,000,000)	(1,335,000,000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		60,000,000,000	10,000,000,000
<b>IV- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>131,832,262,804</b>	<b>134,263,583,716</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	130,965,448,666	133,239,678,683
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		866,814,138	1,023,905,033
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>5,597,817,448,491</b>	<b>5,453,699,138,864</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

MẪU SỐ B 01a-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,147,981,093,213</b>	<b>2,338,199,851,626</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,147,981,093,213</b>	<b>2,338,199,851,626</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	333,351,808,543	313,255,093,379
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	146,704,325,112	10,500,805,769
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	89,619,404,041	59,998,511,380
4. Phải trả người lao động	314		98,023,006,598	60,930,665,983
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	94,606,620,584	147,447,718,074
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	33,254,253,368	23,850,827,773
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1,294,897,794,810	1,702,740,302,881
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		57,523,880,157	19,475,926,387
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>18</b>	<b>3,449,836,355,278</b>	<b>3,115,499,287,238</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>3,449,836,355,278</b>	<b>3,115,499,287,238</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,425,322,840,000	1,295,753,340,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,425,322,840,000	1,295,753,340,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,217,621,008,916	1,174,251,384,986
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		806,892,506,362	645,494,562,252
- LNST chưa phân phối kỳ trước	421a		287,770,849,552	280,442,842,735
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		519,121,656,810	365,051,719,517
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)</b>	<b>440</b>		<b>5,597,817,448,491</b>	<b>5,453,699,138,864</b>



Nguyễn Văn Thúc  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Lưu Thị Mai  
Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2024

MÃ SỐ B 02a-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2024	Quý III năm 2023	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1,221,866,946,041	1,373,744,363,580	3,944,054,281,558	3,931,344,858,629
2. Các khoản giảm trừ	02		20,492,022,999	72,548,681,987	113,604,883,785	106,035,842,587
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10)=(1)-(2)	10	19	1,201,374,923,042	1,301,195,681,593	3,830,449,397,773	3,825,309,016,042
4. Giá vốn hàng bán	11		858,875,476,286	909,833,361,486	2,660,348,513,908	2,718,302,793,908
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		342,499,446,756	391,362,320,107	1,170,100,883,865	1,107,006,222,134
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	24,705,130,354	27,531,368,601	60,661,139,834	54,260,110,077
7. Chi phí tài chính	22	21	17,283,452,339	28,220,528,821	81,050,858,645	104,316,341,302
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		2,946,556,296	(5,477,081,225)	13,651,080,504	513,971,622
9. Chi phí bán hàng	25		91,420,153,473	166,760,382,573	390,694,847,845	460,855,417,573
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		50,089,752,600	41,754,025,840	149,982,151,797	135,600,472,836
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		211,357,774,994	176,681,670,249	622,685,245,916	461,008,072,122
12. Thu nhập khác	31		1,116,853,954	809,812,564	5,322,079,609	3,742,179,028
13. Chi phí khác	32		3,471,251,492	(17,127,887)	3,894,582,099	107,468,612
14. Lợi nhuận khác	40		(2,354,397,538)	826,940,451	1,427,497,510	3,634,710,416
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		209,003,377,456	177,508,610,700	624,112,743,426	464,642,782,538
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	37,056,321,190	29,266,000,677	104,833,995,721	69,711,434,284
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		57,675,467	59,431,366	157,090,895	178,294,096
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		171,889,380,799	148,183,178,657	519,121,656,810	394,753,054,158
21. Lãi cơ bản trên số phiếu	70	23	1,206	1,144	3,642	3,047



Nguyễn Văn Khỏe  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Lưu Thị Mai  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý III năm 2024

**MẪU SỐ B 03a-DN/HN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>09 tháng năm 2024</b>	<b>09 tháng năm 2023</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	624,112,743,426	464,642,782,538
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	111,804,660,144	120,411,438,463
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(424,347,750)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17,662,977,077)	(14,607,614,676)
- Chi phí lãi vay	06	36,832,895,372	73,795,146,107
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	755,087,321,865	643,817,404,682
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	251,115,870,557	202,234,026,590
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	35,946,794,825	549,407,816,936
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	114,436,448,608	47,464,899,774
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3,891,158,237	86,123,229,721
- Tiền lãi vay đã trả	14	(34,261,535,165)	(71,246,207,377)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(54,198,208,426)	(48,888,766,764)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	13,233,318,505	11,858,510,168
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(14,156,032,510)	(10,807,067,657)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1,071,095,136,496</b>	<b>1,409,963,846,073</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21	(41,679,678,940)	(54,417,497,605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	262,727,273	331,818,182
3. Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư khác	23	(1,585,797,947,850)	(1,310,000,000,000)
4. Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24	830,397,947,850	782,857,808,219
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,506,306,308	13,776,672,072
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(792,310,645,359)</b>	<b>(567,451,199,132)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,451,541,429,376	2,441,129,090,298
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,859,383,937,447)	(2,840,774,505,241)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(129,575,334,000)	(64,787,667,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(537,417,842,071)</b>	<b>(464,433,081,943)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(258,633,350,934)</b>	<b>378,079,564,998</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>485,324,285,487</b>	<b>167,926,602,716</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>226,690,934,553</b>	<b>546,006,167,714</b>



Nguyễn Văn Thức  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Lưu Thị Mai  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công thương.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ các ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, xây nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, xây dựng trung tâm thương mại, xây dựng chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số

*Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ hoạt động. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.







**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị giá trị quyền sử dụng đất, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 - 45 năm.

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính là 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	737,525,721	337,355,211
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	225,953,408,832	451,444,874,500
Tiền đang chuyển	-	23,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	10,542,055,776
<b>Cộng</b>	<b>226,690,934,553</b>	<b>485,324,285,487</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Cty TNHH TM Thái Hoà	5,224,204,664	55,724,576,364
Cty TNHH Tam phước	-	3,144,294,845
Cty CP TM & Đầu tư Hồng Phước	192,831,442,881	282,840,028,671
Công ty TNHH ĐT và PT Kinh doanh Nam Phương	-	62,148,467,743
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam	6,993,320,939	7,637,597,893
IPLEX PIPELINENZ L.T.D	4,514,534,959	8,403,595,985
IPLEX PIPELINES AUSTRALIA PTY LTD.	-	1,161,622,354
Công ty CP phụ gia nhựa	13,538,521,980	13,851,981,980
Công ty CP nhựa Tín Kim	22,619,520,000	-
Công ty CP TM QT Việt Bắc	3,771,674,814	3,831,674,814
Các đối tượng khác	1,669,559,539	136,367,887
<b>Phải thu khách hàng các bên liên quan</b>		
CTY TNHH TM XNK Minh Hải	45,079,594,166	51,471,124,885
Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam	299,047,172,205	378,964,594,771
<b>Cộng</b>	<b>595,289,546,147</b>	<b>869,315,928,192</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Lãi tiền gửi	27,069,671,238	19,952,058,638
Ký cược, ký quỹ	850,000,000	2,137,000,000
Phải thu khác	486,242,920	1,434,939,971
Tạm ứng	3,771,565,307	3,638,775,582
<b>Cộng</b>	<b>32,177,479,465</b>	<b>27,162,774,191</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
<b>Hàng tồn kho</b>		
Hàng mua đang đi trên đường	177,518,634,735	164,691,436,398
Nguyên liệu, vật liệu	553,201,333,623	673,841,648,470
Công cụ, dụng cụ	15,375,876,643	14,175,741,452
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42,872,496,583	38,537,472,505
Thành phẩm	333,670,348,623	267,388,524,853
<b>Cộng</b>	<b>1,122,688,028,853</b>	<b>1,158,634,823,678</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>1,122,688,028,853</b>	<b>1,158,634,823,678</b>

*Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	1,710,993,598,510	1,179,408,500,239	207,973,365,783	17,679,335,759	3,116,054,800,291
Đầu tư XDCB hoàn thành	10,356,537,420	55,667,125,443	1,987,863,636	-	68,011,526,499
Thanh lý, nhượng bán	-	(1,894,280,584)	(4,137,912,000)	(311,077,000)	(6,343,269,584)
Tại ngày 30/09/2024	1,721,350,135,930	1,233,181,345,098	205,823,317,419	17,368,258,759	3,177,723,057,206
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2024	(769,699,229,363)	(868,902,300,548)	(138,685,048,186)	(17,324,929,382)	(1,794,611,507,479)
Khấu hao trong kỳ	(59,527,815,144)	(43,287,411,306)	(8,791,771,180)	(197,662,514)	(111,804,660,144)
Thanh lý, nhượng bán	-	1,894,280,584	3,880,549,992	311,077,000	6,085,907,576
Tại ngày 30/09/2024	(829,227,044,507)	(910,295,431,270)	(143,596,269,374)	(17,211,514,896)	(1,900,330,260,047)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/09/2024	892,123,091,423	322,885,913,828	62,227,048,045	156,743,863	1,277,392,797,159
Tại ngày 01/01/2024	941,294,369,147	310,506,199,691	69,288,317,597	354,406,377	1,321,443,292,812

**Trong đó:**

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng: 862.713.185.858 VNĐ  
Nguyên giá TSCĐ dùng để thế chấp : 890.525.776.617 VNĐ

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	TSCĐ Vô hình khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	VND	VND		VND
Tại ngày 01/01/2024	153,400,000	7,105,350,000	9,707,649,107	16,966,399,107
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2024	153,400,000	7,105,350,000	9,707,649,107	16,966,399,107
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2024	(153,400,000)	-	(9,707,649,107)	(9,861,049,107)
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2024	(153,400,000)	-	(9,707,649,107)	(9,861,049,107)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/09/2024	-	7,105,350,000	-	7,105,350,000
Tại ngày 01/01/2024	-	7,105,350,000	-	7,105,350,000

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
XDCB nhà máy tại Quận Dương Kinh, Hải Phòng	14,803,619,023	20,786,441,366
MMTB nhà máy tại Quận Dương Kinh, Hải Phòng	394,448,984	26,571,027,284
<b>Cộng</b>	<b>15,198,068,007</b>	<b>47,357,468,650</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	350,865,030,191	337,713,724,687
- CT CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam	338,741,713,019	325,867,842,996
- Công ty CP Bao bì Tiền Phong	12,123,317,172	11,845,881,691
Đầu tư dài hạn khác	161,360,188,600	105,960,188,600
- Công ty TNHH MTV KD Nước sạch Nam Định	46,784,068,600	46,784,068,600
- Công ty Cổ phần nước Thủ Dầu Một	46,800,000,000	41,400,000,000
- Công ty CP Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	5,148,000,000	5,148,000,000
- Công ty CP cấp thoát nước tỉnh Hà Giang	1,128,120,000	1,128,120,000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương VN	10,000,000,000	10,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	50,000,000,000	-
- Khác	1,500,000,000	1,500,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1,335,000,000)	(1,335,000,000)
<b>Cộng</b>	<b>510,890,218,791</b>	<b>442,338,913,287</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Thiết bị, dụng cụ	8,662,658,353	8,891,351,846
Quyền sử dụng đất	101,164,418,321	103,912,090,025
Chi phí sửa chữa	9,308,282,047	5,200,781,645
Chi phí quảng cáo	1,771,134,747	2,794,115,837
Chi phí khác	10,058,955,198	12,441,339,330
	<b>130,965,448,666</b>	<b>133,239,678,683</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Cuối kỳ</u> VND	<u>Đầu kỳ</u> VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam	23,978,406,291	40,850,728,922
Công ty CP nhựa Tín Kim	28,393,442,022	13,394,965,034
CTCP DL và tiếp thị GTVT VN - VIETRAVEL - CN HN	-	5,888,741,012
CTCP Thương mại Đầu tư Vân Long CDC	-	3,013,780,000
Công ty Cổ phần STAVIAN Hóa Chất	5,241,600,000	2,752,000,000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gredmann Việt Nam	28,492,791,096	-
Công ty CP TM DV và SX Hưng Phát	6,138,000,000	-
Công ty cổ phần van VINA	5,282,758,789	-
Công ty CP Đầu tư và phát triển Thành Lợi	2,013,991,840	-
WOJIN PLAIMM CO., LTD	2,676,110,600	2,642,785,000
BOROUGE PTE LTD	45,469,889,190	43,282,809,750
SOLMER FUTURE LTD	-	25,336,052,500
HYOSUNG Chemical Corporation	18,100,846,050	7,324,569,000
TRICON ENERGY LTD	-	9,294,201,000
TRICON DRY CHEMICAL, LLC	11,830,450,240	-
A and B chemical Corp	-	4,009,608,000
ITOCHU PLASTICS PTE., LTD	16,050,727,680	9,495,688,605
KPIC CORPORATION	9,185,959,865	-
THAI POLYETHYLENE CO., LTD	28,288,368,750	-
VINMAR INTERNATIONAL LLC	6,617,066,820	-
Đối tượng khác	19,241,088,989	14,013,737,693
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>		
Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam	66,982,591,812	129,496,232,050
Công ty Cổ phần Bao Bì Tiền Phong	3,760,112,059	2,459,194,813
Công ty Cổ phần Công nghệ thiết bị Tiền Phong	5,607,606,450	-
<b>Cộng</b>	<b>333,351,808,543</b>	<b>313,255,093,379</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Cuối kỳ</u> VND	<u>Đầu kỳ</u> VND
CTY TNHH TM Hà Dung	12,043,770,664	7,195,793,254
Cty CP TM & Đầu tư Hồng Phước	712,288,526	-
Công ty TNHH ĐT và PT Kinh doanh Nam Phương	27,475,746,220	-
Cty TNHH Tam phước	80,200,052,857	2,832,882,964
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	23,930,416,401	-
IPLEX PIPELINES AUSTRALIA PTY LTD.	2,301,390,190	-
Khác	40,660,254	472,129,551
<b>Cộng</b>	<b>146,704,325,112</b>	<b>10,500,805,769</b>

*Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7,949,002,883	10,385,355,071
Thuế xuất, nhập khẩu	355,436,176	355,436,176
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80,303,584,597	29,613,309,356
Thuế thu nhập cá nhân	1,007,067,899	19,638,631,871
<b>Cộng</b>	<b>89,619,404,041</b>	<b>59,998,511,380</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí phải trả nhà phân phối	56,751,620,852	111,972,902,104
Chi phí vận chuyển	10,508,320,238	11,133,536,475
Chi phí thuê đất	18,160,410,090	15,782,944,497
Chi phí Marketing	6,896,454,371	1,784,260,395
Lãi vay phải trả	1,482,329,674	4,053,689,881
Các khoản khác	807,485,359	2,720,384,722
<b>Cộng</b>	<b>94,606,620,584</b>	<b>147,447,718,074</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1,818,281,216	693,398,840
Phải trả công đoàn	9,458,548,861	8,539,477,661
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9,959,027,055	8,335,068,642
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12,018,396,236	6,282,882,630
<b>Cộng</b>	<b>33,254,253,368</b>	<b>23,850,827,773</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	1,295,753,340,000	1,023,163,062,043	511,900,942,783	2,830,817,344,826
Lợi nhuận trong năm	-	-	559,414,720,517	559,414,720,517
Trích lập các quỹ	-	151,088,322,943	(166,670,433,048)	(15,582,110,105)
Cổ tức đã trả	-	-	(259,150,668,000)	(259,150,668,000)
Số dư tại ngày 01/01/2024	1,295,753,340,000	1,174,251,384,986	645,494,562,252	3,115,499,287,238
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	519,121,656,810	519,121,656,810
Tăng vốn	129,569,500,000	-	(129,569,500,000)	-
Trích lập Quỹ ĐTPT	-	43,369,623,930	(43,369,623,930)	-
Cổ tức trong kỳ	-	-	(129,575,334,000)	(129,575,334,000)
Trích lập quỹ KT, PL	-	-	(55,209,254,770)	(55,209,254,770)
Số dư tại ngày 30/09/2024	1,425,322,840,000	1,217,621,008,916	806,892,506,362	3,449,836,355,278

*Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. DOANH THU**

	<u>09 tháng năm 2024</u>	<u>09 tháng năm 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,944,054,281,558	3,931,344,858,629
Doanh thu bán thành phẩm	3,746,549,785,312	3,743,452,946,837
Doanh thu khác	197,504,496,246	187,891,911,792
<b>Các khoản giảm trừ:</b>	<b>113,604,883,785</b>	<b>106,035,842,587</b>
Chiết khấu thương mại	106,353,957,194	98,797,642,914
Giảm giá hàng bán	-	939,591,122
Hàng bán bị trả lại	7,250,926,591	6,298,608,551
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3,830,449,397,773</b>	<b>3,825,309,016,042</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>09 tháng năm 2024</u>	<u>09 tháng năm 2023</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	55,381,910,525	38,219,760,348
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4,006,531,308	13,776,672,072
<i>Cổ tức Công ty CP Bao bì Tiên Phong</i>	-	599,730,000
<i>Cổ tức Công ty CP Cấp thoát nước Hà Giang</i>	96,905,508	13,368,222
<i>Cổ tức Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Dầu Một</i>	2,520,000,000	2,340,000,000
<i>Cổ tức Công ty TNHH MTV KD Nước sạch Nam Định</i>	1,389,625,800	4,516,283,850
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,272,698,001	2,263,677,657
<b>Cộng</b>	<b>60,661,139,834</b>	<b>54,260,110,077</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>09 tháng năm 2024</u>	<u>09 tháng năm 2023</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	36,832,895,372	73,795,146,107
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	42,973,606,067	30,174,941,635
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,244,357,206	346,253,560
<b>Cộng</b>	<b>81,050,858,645</b>	<b>104,316,341,302</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>09 tháng năm 2024</u>	<u>09 tháng năm 2023</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	624,112,743,426	464,642,782,538
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(15,700,189,233)	(10,482,175,631)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>608,412,554,193</b>	<b>454,160,606,907</b>
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 5%	112,323,434,108	140,804,580,639
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 20%	496,089,120,085	313,356,026,268
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>104,833,995,721</b>	<b>69,711,434,284</b>

*Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	09 tháng năm 2024	09 tháng năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	519,121,656,810	394,753,054,158
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	519,121,656,810	394,753,054,158
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	142,532,284	129,575,334
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3,642</b>	<b>3,047</b>

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
			VND
Công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty liên kết	Mua hàng	171,965,968,433
		Bán hàng	111,651,119,404
		Khác	78,104,667
Công ty CP Bao bì Tiền Phong	Công ty liên kết	Mua hàng	26,666,517,903
		Bán hàng	13,350,000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30/09/2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
			VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty liên kết	Bán hàng	299,047,172,205
Công ty TNHH XNK Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	45,079,594,166
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP Bao bì Tiền Phong	Công ty liên kết	Mua hàng	3,760,112,059
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty liên kết	Mua hàng	66,982,591,812

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Quý III năm 2023



Nguyễn Văn Thúc  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Lưu Thị Mai  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất